

Số: /TB-STNMT

Kon Tum, ngày tháng năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền khai thác**  
**khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;  
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;  
Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp, hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản Đợt 2 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá tại các điểm mỏ thuộc Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 2 năm 2021.

Thực hiện nội dung Công văn số 2203/UBND-NNTN ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, V/v tổ chức đấu giá 02 điểm mỏ khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại địa bàn xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể như sau:

**1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:**

- Đơn vị có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.
- Đơn vị được giao thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà B, Trung tâm Hành chính, tổ 8, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:**

- Tên tài sản: Quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường gồm có 02 điểm mỏ thuộc huyện Kon Rẫy.
- Số lượng, tài nguyên dự báo, giá khởi điểm (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.**

Mọi tổ chức Đấu giá tài sản phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng tiêu chí quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Điều 3 và Phụ lục I ban hành theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP

ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐIỂM TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>23,0</b>
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ ( <i>số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...</i> )	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)</b>	<b>22,0</b>
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC ĐIỂM TỐI ĐA</b>
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
<b>III</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>45,0</b>
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20%	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐIỂM TỐI ĐA
	3.3	
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản <i>(Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐIỂM TỐI ĐA
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
<b>IV</b>	<b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</b>	<b>5,0</b>
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>5,0</b>
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

#### **4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia.**

4.1. Thời gian nộp hồ sơ: 05 ngày (làm việc) kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (*trong giờ hành chính các ngày làm việc*).

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (*Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ của ngày kết thúc thông báo*).

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường, tầng 2, tòa nhà B, Trung tâm Hành chính, tổ 8, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Số điện thoại: 02603.862481.

\* *Chú ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.*

Sở Tài nguyên và Môi trường báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký./.

***Nơi nhận:***

- Các tổ chức đấu giá tài sản (biết);
- UBND tỉnh (b/c);
- Công TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản (đăng t/b);
- Công TTĐT tỉnh - VP UBND tỉnh (đăng t/b);
- Trung tâm CNTT TN&MT (đăng t/b);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TNKSN<sub>VTH</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Võ Thanh Hải**

**Phụ lục:**

**THÔNG TIN 02 KHU VỰC MỎ CÁT LÀM VLXD TT ĐẦU GIÁ ĐỢT 2 NĂM 2021**  
(Kèm theo Công văn số ...../STNMT-TNKSNN ngày ..... tháng .... năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

<b>STT</b>	<b>Tên điểm mỏ</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tài nguyên dự báo (m<sup>3</sup>)</b>
1	Điểm mỏ số 1	Thôn Kon Dơ Xing, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy	5	93.000
2	Điểm mỏ số 2	Thôn Đăk Ó NgLăng, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy	5,1	94.860